

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 593/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Diễm T1, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp 7, xã L, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay Số nhà 107/10, ấp T2, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh B2, sinh năm 1983; nơi cư trú Ấp 7, xã L, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Diễm T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Lê Thanh B2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 17/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B2 tính tình gia trưởng nên có thái độ không tôn trọng cha mẹ chị làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi, sau mỗi lần xảy ra cự cãi anh B2 bỏ

nhà đi nhậu đến sáng mới trở về. Mặc dù, chị đã khuyên anh B2 nhiều lần, cố gắng điều hòa mâu thuẫn để vun đắp tình cảm nhưng không đạt kết quả dẫn đến mất hạnh phúc. Nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh B2.

- Về con chung: Không có, chị T1 không yêu cầu giải Tòa án quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Lê Thanh B2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh B2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Chị T1 và anh B2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống kéo dài không điều hòa được dẫn đến cự cãi, mất hạnh phúc. Chị T1 và anh B2 có thời gian dài sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh B2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị T1 và anh B2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh B2.

[2] *Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Không có, chị T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Diễm T1 và anh Lê Thanh B2.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Diễm T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số NQ 0010741 ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Phan Thị Diễm T1, vắng mặt anh Lê Thanh B2. Báo cho chị T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem

xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh B2 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã P, huyện H: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân